

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-ST
Ngày: 26-4-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BL, TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khru Liên Dung

Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL tham gia phiên tòa:* Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim Y**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Số A, Ấp 1, xã Q, huyện B, Thành phố H. Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Ông **Nguyễn Duy S**, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh BL (theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2021). “vắng mặt”.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L**. Địa chỉ: Số 1, Phường 2, thành phố BL, tỉnh BL. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Duy Sơn trình bày: do quen biết nên bà Trần Thị Kim Y có cho bà Nguyễn Thị L vay tiền 03 lần, với số tiền tổng cộng là 35.000.000 đồng, cụ thể:

- Lần 01: vào ngày 20/01/2021, bà Y cho bà L vay số tiền là 15.000.000 đồng;

- Lần 02: vào ngày 31/01/2021, bà Y tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng;

- Lần 03: vào ngày 21/02/2021, bà Y tiếp tục cho bà L vay thêm số tiền là 10.000.000 đồng;

Các lần cho vay trên đều thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày vay, lãi suất vay là 2%/tháng. Khi cho vay, bà L đều có viết biên nhận.

Từ khi vay tiền cho đến nay, bà L không trả bất kỳ khoản tiền nợ gốc và tiền lãi nào cho bà Y. Vì vậy, nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng và số tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến giai đoạn thi hành án với lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại “đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến”, ông Sơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 03 biên nhận, có dấu lấn tay, ký tên ghi họ tên Nguyễn Thị L. Ngoài ra, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L thừa nhận có vay của bà Trần Thị Kim Y 03 lần với số tiền mỗi lần đều đúng như bà Y trình bày, tổng số tiền vay của 03 lần là 35.000.000 đồng, về thời gian vay bà không nhớ cụ thể, khi vay thì có viết biên nhận và bà có lấn ngón tay trên biên nhận. Bà L xác định, khi vay hai bên có thỏa thuận bà sẽ góp cho bà Y mỗi ngày 300.000 đồng trên số tiền vay 10.000.000 đồng, góp trong vòng 01 tháng 10 ngày. Sau khi vay, bà có đưa cho bà Trần Thị Út (tên thường gọi là Đèo) để góp cho bà Y, do bà Y yêu cầu bà đưa tiền cho bà Út để bà Út đưa lại cho bà Y, bà đưa tiền nhiều lần cho bà Út nhưng không nhớ đưa tổng cộng bao nhiêu lần. Tuy nhiên, bà xác định hiện nay bà đã đưa đủ tiền cho bà Út để trả cho bà Y, bà không còn nợ bà Y nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Y.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị U có mặt và xác định ý kiến như sau: bà thừa nhận việc bà Nguyễn Thị L có đưa tiền cho bà nhiều lần để trả cho bà Trần Thị Kim Y, nhưng không nhớ đưa tổng cộng bao nhiêu lần với số tiền cụ thể là bao nhiêu. Sau khi bà L đưa tiền cho bà thì bà đều đã đưa lại cho bà Y. Tuy nhiên, khi đưa bà không có làm biên nhận nên không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà đã đưa tiền cho bà Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Y đối với bà Nguyễn Thị L, buộc bà L có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Y về yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim Y tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có địa chỉ tại số 101/13B, chùa Ông Châu, Phường 5, thành phố BL, tỉnh BL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Y và bà L đều thống nhất xác định bà L có vay tiền của bà Y 03 lần với số tiền vay tổng cộng là 35.000.000 đồng, khi vay có làm biên nhận. Đây là sự kiện có xảy ra trên thực tế được các bên thừa nhận. Hợp đồng vay tài sản giữa bà Y với bà L mặc dù hai bên không làm hợp đồng nhưng có viết biên nhận, được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L xác định đã đưa tiền cho bà Trần Thị Út để trả cho bà Y, hiện nay không còn nợ bà Y. Tuy nhiên, bà Y xác định bà L chưa trả tiền cho bà Y, đồng thời bà L và bà U cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà L đã trả số tiền vay trên cho bà Y nên không có căn cứ để chấp nhận theo lời trình bày của bà L và bà U. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc bà L trả cho bà Y số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm. Đây là sự tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Đối với việc bà L cho rằng đã đưa tiền cho bà U để trả cho bà Y, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà L không có yêu cầu gì đối với bà U nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Bà L có quyền khởi kiện bà U trong một vụ án khác.

[4] Về án phí: bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà Y đối với bà L được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí là 1.750.000 đồng; bà Y không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Y đối với bà Nguyễn Thị L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Kim Y số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Y đối với yêu cầu tính tiền lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí là 1.750.000 đồng; bà Trần Thị Kim Y không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Kim Y số tiền án tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006965 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh BL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND tỉnh BL;
- VKSND TP. BL;
- Chi cục THADS TP. BL;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Định